Họ và tên										Lớp:						Điểm :				
1	A	B	C	D	8	A	B	C	D	15	A	B	C	D	22	A	B	C	D	
2	A	B	C	D	9	A	B	C	D	16	A	B	C	D	23	A	B	C	D	
3	A	B	C	D	10	A	B	C	D	17	A	B	C	D	24	A	B	C	D	
4	A	B	C	D	11	A	B	C	D	18	A	B	C	D	25	A	B	C	D	
5	A	B	C	D	12	A	B	C	D	19	A	B	C	D						
6	A	B	C	D	13	A	B	C	D	20	A	B	C	D						
7	A	B	C	D	14	A	B	C	D	21	A	B	C	D						

1). Cho công thức: $(-NH[CH_2]_6CO-)_n$. Giá trị n trong công thức này **không** thể là gì ?

A. Hệ số polime hóa. B. . Hệ số trùng hợp C. Độ polime hóa. D. Hệ số trùng ngưng.

2). Chất nào sau đây có thể trùng hợp thành cao su ?

A. $CH_2 = C(CH_3) - CH = CH_2$. B. $CH_3 - CH = C = CH_2$.

C. $CH_3 - C(CH_3) = C = CH_2$. D. $CH_3 - CH_2 - C \equiv CH_2$.

3). Polime có cấu trúc mạng không gian (mạng lưới) là

A). PVC B). PE C). nhựa bakelit D). amilopectin

4). Dãy chất được xếp theo chiều tăng dần tính bazơ là ?

A. $NaOH < NH_3 < C_6H_5NH_2 < CH_3NH_2 < (CH_3)_2NH$.

B. $NH_3 < CH_3NH_2 < (CH_3)_2NH < C_6H_5NH_2 < NaOH$.

C. $NaOH < C_6H_5NH_2 < NH_3 < CH_3NH_2 < (CH_3)_2NH$.

D. $C_6H_5NH_2 < NH_3 < CH_3NH_2 < (CH_3)_2NH < NaOH$.

5). Cho các chất sau : Etilen, benzen, vinyl benzen, vinyl axetat, axit 6 – aminohexanoic.
Số chất tham gia phản ứng trùng hợp tạo polime là Số chất tham gia phản ứng trùng hợp tạo polime là:

A. 2. B. 3. C. 4. D. 5.

6). Phenol và Anilin cùng tác dụng với :

A. Dung dịch Br_2. B. Na. C. Dung dịch $NaOH$. D. Dung dịch HCl.

7). Một loại polietilen có phân tử khối là 50000. Hệ số trùng hợp của loại polietilen đó là:

A. 920. B. 1230. C. 1786. D. 1529.

8). Dung dịch metylamin trong nước làm

A. quì tím không đổi màu. **B.**. phenolphtalein không đổi màu

C. phenolphtalein hoá xanh. **D.** quì tím hóa xanh

9). Trong phản ứng với các chất hoặc cặp chất dưới dây, phản ứng nào giữ nguyên mạch polime

A). Cao su Buna + HCl $\xrightarrow{t^0}$ B). Rezol $\xrightarrow{t^0}$

C). Polistiren $\xrightarrow{t^0}$ D). nilon-6,6 + $H_2O \xrightarrow{H^+, t^0}$

10 Cho các phản ứng:

$H_2N - CH_2 - COOH + HCl \rightarrow H_3N^+ - CH_2 - COOH\ Cl^-$.

$H_2N - CH_2 - COOH + NaOH \rightarrow H_2N - CH_2 - COONa + H_2O$. Hai phản ứng trên chứng tỏ axit aminoaxetic

A. chỉ có tính bazơ. **B.** chỉ có tính axit.

C. có tính chất lưỡng tính. **D.** có tính oxi hóa và tính khử.

11). Tên gốc chức của $CH_3 - CH(CH_3) - NH_2$ là :

A. Iso Propyl amin. B. Etyl metyl amin. C. propyl amin. D. Propan - 2 – amin.

12). Chất nào sau đây là sản phẩm của quá trình đồng trùng hợp ?

A. Poli vinyl clorua. B. Cao su BuNa – S. C. Poli Stiren. D.Cao su thiên nhiên.

13). Polime nào dưới đây có cùng cấu trúc mạch Polime với nhựa bakelit (mạng không gian)?

A). Amilopectin. B). Cao su lưu hóa C). Xenlulozơ. . D). Glicogen .

14). Ứng với công thức $C_4H_{11}N$ có số đồng phân amin bậc 2 là

A). 4 B). 5 C). 3 D). 6

15). Tơ nilon – 6,6 được điều chế bằng phản ứng trùng ngưng

A). HOOC–$(CH_2)_4$–COOH và HO–$(CH_2)_2$–OH

B). HOOC–$(CH_2)_2$–CH(NH_2)–COOH

C). $HOOC-(CH_2)_4-COOH$ và $H_2N-(CH_2)_6-NH_2$.

D). $H_2N-(CH_2)_5-COOH$

16). Cho vào lòng trắng trứng vài giọt dung dịch $CuSO_4$, sau đó thêm vài giọt dung dịch $NaOH$. Hiện tượng xảy ra là :

A. Tạo hợp chất màu tím. B. Tạo dung dịch màu xanh lam.

C. Tạo kết tủa trắng xanh. D.. Tạo dung dịch màu xanh tím

17). Ứng với công thức $C_5H_{13}N$ có số đồng phân amin bậc 3 là

A). 5 B). 3 C). 6 D). 4

18). Trong phân tử aminoaxit X có một nhóm amino và một nhóm cacboxyl. Cho 15,0 gam X tác dụng vừa đủ với dung dịch NaOH, cô cạn dung dịch sau phản ứng thu được 19,4 gam muối khan. Công thức của X là

A). H_2NCH_2COOH B). $H_2NC_2H_4COOH$ C). $H_2NC_3H_6COOH$ D). $H_2NC_4H_8COOH$

19). Cho dãy các chất : phenol, anilin, phenylamoni clorua, natri phenolat, etanol. Số chấttrong dãy phản ứng được với NaOH (trong dung dịch) là.

A). 2 B). 3 C). 1 D). 4

20). Ứng với công thức C_7H_9N có số đồng phân amin chứa vòng benzen là

A). 3 B). 6 C). 5 D). 4

21). Ứng với công thức C_3H_9N có số đồng phân amin là

A). 6 B). 4 C). 5 D). 3

22). Chất nào sau đây là sản phẩm của quá trình đồng trùng hợp ?

A. Poli vinyl clorua. B. Cao su BuNa – S. C. Poli Stiren. D.Cao su thiên nhiên.

23). Trong phòng thí nghiệm, để rửa sạch lọ đựng Anilin ta nên:

A. Tráng nhiều lần bằng nước nóng.

B. Cho vào một ít dung dịch $NaOH$ đặc, lắc kỹ rồi tráng lại bằng nước.

C. Cho vào dung dịch Br_2, lắc kỹ rồi tráng lại bằng nước.

D. Cho vào một ít dung dịch HCl, lắc kỹ rồi tráng lại bằng nước.

II)Bài tập tự luận:

Câu 1: Este X được điều chế từ aminoaxit Y và ancol etylic. Tỉ khối hơi của X so với H_2 bằng 51,1. Đốt cháy hoàn toàn 10,3g X thu được 8,1 g H_2O và 1,12 lít N_2(đktc). Tìm CTCT thu gọn của X ?

Câu2: Chất A có phần trăm khối lượng các nguyên tố C,H, O, N lần lượt là 32%, 6,67%, 42,66%, 18,67%. Tỷ khối hơi của A so với không khí nhỏ hơn 3. A vừa tác dụng với dd NaOH vừa tác dụng với dd HCl. Tìm CTCT của A ?

....

.....
.....
.....

Họ và tên										Lớp:						Điểm :				
1	A	B	C	D	8	A	B	C	D	15	A	B	C	D		22	A	B	C	D
2	A	B	C	D	9	A	B	C	D	16	A	B	C	D		23	A	B	C	D
3	A	B	C	D	10	A	B	C	D	17	A	B	C	D		24	A	B	C	D
4	A	B	C	D	11	A	B	C	D	18	A	B	C	D		25	A	B	C	D
5	A	B	C	D	12	A	B	C	D	19	A	B	C	D						
6	A	B	C	D	13	A	B	C	D	20	A	B	C	D						
7	A	B	C	D	14	A	B	C	D	21	A	B	C	D						

Nội dung đề số : 112

1). Cho các phản ứng:

$H_2N - CH_2 - COOH + HCl \rightarrow H_3N^+ - CH_2 - COOH\ Cl^-$.

$H_2N - CH_2 - COOH + NaOH \rightarrow H_2N - CH_2 - COONa + H_2O$. Hai phản ứng trên chứng tỏ axit aminoaxetic

A. có tính chất lưỡng tính. **B.** chỉ có tính axit.

C. có tính oxi hóa và tính khử. **D.** chỉ có tính bazơ.

2). Số đồng phân cấu tạo của tripeptit chứa 3 α - aminoaxit là:

A. 3. B. 4. C. 5. D. 6.

3). Sản phẩm trựng hợp của buta-1,3-dien với $CN-CH=CH_2$ có tên gọi thông thường là:

A.cao su buna-S **B.**cao su buna **C.**cao su buna-N **D.**cao su

4). Trong phản ứng với các chất hoặc cặp chất dưới dây, phản ứng nào giữ nguyên mạch polime

A). Polistiren $\xrightarrow{t^0}$ B). Rezol $\xrightarrow{t^0}$

C). Cao su Buna + HCl $\xrightarrow{t^0}$ D). nilon-6,6 + $H_2O \xrightarrow{H^+, t^0}$

5). Polime nào dưới đây có cùng cấu trúc mạch Polime với nhựa bakelit (mạng không gian)?

A). Cao su lưu hóa B). Glicogen . . C). Xenlulozơ. D). Amilopectin.

6). Trung hòa 4,5 gam một amin đơn chức X cần 100ml dung dịch HCl 1M. Công thức phân tử của X là

A.CH_5N **B.**C_3H_9N

C. C_2H_7N **D.** C_3H_7N

7). Polime có cấu trúc mạng không gian (mạng lưới) là

A). nhựa bakelit B). PE C). amilopectin D). PVC

8). **.** Dãy chất được xếp theo chiều tăng dần tính bazơ là ?

A. $C_6H_5NH_2 < NH_3 < CH_3NH_2 < (CH_3)_2NH < NaOH$.

B. $NH_3 < CH_3NH_2 < (CH_3)_2NH < C_6H_5NH_2 < NaOH$.

C. $NaOH < C_6H_5NH_2 < NH_3 < CH_3NH_2 < (CH_3)_2NH$.

D. $NaOH < NH_3 < C_6H_5NH_2 < CH_3NH_2 < (CH_3)_2NH$

9). Khối lượng anilin cần dùng để tác dụng với nước brom thu được 6,6g kết tủa trắng là

A. 8,61g **B.** 18,6g **C.** 6,81g **D.** 1,86g

10). Trong phòng thí nghiệm, để rửa sạch lọ đựng Anilin ta nên:

A. Cho vào một ít dung dịch $NaOH$ đặc, lắc kỹ rồi tráng lại bằng nước.

B. Cho vào một ít dung dịch HCl , lắc kỹ rồi tráng lại bằng nước.

C. Cho vào dung dịch Br_2 , lắc kỹ rồi tráng lại bằng nước.

D. Tráng nhiều lần bằng nước nóng.

11). Dung dịch metylamin trong nước làm

A. quì tím hóa xanh **B.**. phenolphtalein không đổi màu

C. phenolphtalein hoá xanh. **D.** quì tím không đổi màu.

12). Chất nào sau đây có thể trùng hợp thành cao su ?

A. $CH_3 - CH_2 - C \equiv CH_2$. B. $CH_3 - CH = C = CH_2$.

C. $CH_3 - C(CH_3) = C = CH_2$. D. $CH_2 = C(CH_3) - CH = CH_2$.

13). Cho công thức: $(-NH[CH_2]_6CO-)_n$. Giá trị n trong công thức này **không** thể là gì ?

A. Hệ số polime hóa. B. Hệ số trùng hợp C. Độ polime hóa. D. Hệ số trùng ngưng.

14). Ứng với công thức $C_4H_{11}N$ có số đồng phân amin bậc 2 là

A). 5 B). 4 C). 6 D). 3

15). Ứng với công thức $C_5H_{13}N$ có số đồng phân amin bậc 3 là

A). 5 B). 3 C). 6 D). 4

16). Tơ nilon – 6,6 được điều chế bằng phản ứng trùng ngưng

A). $HOOC–(CH_2)_2–CH(NH_2)–COOH$

B). $HOOC–(CH_2)_4–COOH$ và $HO–(CH_2)_2–OH$

C). $HOOC–(CH_2)_4–COOH$ và $H_2N–(CH_2)_6–NH_2$.

D). $H_2N–(CH_2)_5–COOH$

17). **.** Một loại polietilen có phân tử khối là 50000. Hệ số trùng hợp của loại polietilen đó là:

A. 920. B. 1786. C. 1529. D. 1230.

18). Cho dãy các chất : phenol, anilin, phenylamoni clorua, natri phenolat, etanol. Số chấttrong dãy phản ứng được với NaOH (trong dung dịch) là.

A). 2 B). 3 C). 1 D). 4

19). **7 :** Trong các loại tơ dưới đây, chất nào là tơ bán tổng hợp (tơ nhân tạo)?

A). Nilon-6,6 **B).**Tơ visco **C).**Tơ capron **D).**Tơ tằm

20). Trong phân tử aminoaxit X có một nhóm amino và một nhóm cacboxyl. Cho 15,0 gam X tác dụng vừa đủ với dung dịch NaOH, cô cạn dung dịch sau phản ứng thu được 19,4 gam muối khan. Công thức của X là

A). $H_2NC_2H_4COOH$ B). H_2NCH_2COOH C). $H_2NC_3H_6COOH$ D). $H_2NC_4H_8COOH$

21). Ứng với công thức C_7H_9N có số đồng phân amin chứa vòng benzen là

A). 3 B). 5 C). 6 D). 4

22). **.** Amino axit là những hợp chất hữu cơ tạp chức trong phân tử chứa :

A. . Nhóm amino và nhóm cacboxyl. B. Nhóm cacboxyl.

C. Một nhóm amino và một cacboxyl. D. Nhóm amino và một nhóm cacboxyl.

23). **:** Một amino axit có công thức phân tử là $C_4H_9NO_2$. Số đồng phân amino axit là

A). 5 **B).** 6 **C).** 4 **D).** 3

Bài tập tự luận:

Câu 1: Cho 0,1 mol A (α- aminoaxit dạng $H_2NRCOOH$) phản ứng hết với HCl tạo 11,15g muối. Tìm A?

Câu 2: Chất A có phần trăm các nguyên tố C,H, O, N lần lượt là 40,45%, 7,86%, 15,73%, còn lại là O. Khối lượng mol phân tử của A nhỏ hơn 100g/mol. A vừa tác dụng với dd NaOH vừa tác dụng với dd HCl, có nguồn gốc từ thiên nhiên. Tìm CTCT của A ?

....

.....
.....
.....

ĐÁP ÁN : Đề 111

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
B	**A**	**C**	**D**	**B**	**A**	**C**	**D**	**A**	**D**	**C**	**A**	**B**	**B**	**C**	**C**	**A**	**B**	**A**	**A**	**A**	**C**	**B**	**B**	**A**

ĐÁP ÁN : Đề 112

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
A	**D**	**C**	**C**	**A**	**C**	**A**	**A**	**D**	**B**	**C**	**A**	**D**	**B**	**D**	**B**	**C**	**A**	**D**	**A**	**D**	**B**	**B**	**A**	**A**